

Bản án số: 47/2021/HS-PT

Ngày 07-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ.

Các Thẩm phán: Ông Mã Văn Quân,

Bà Nông Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà: Nông Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2021/TLPT-HS ngày 19 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 734/2021/QĐXXPT-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Đức T**, Tên gọi khác: không có

Sinh ngày 28 tháng 12 năm 1982; nơi sinh: thị trấn N, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký HKTT: phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H (tên gọi khác: Nông Đại H (đã chết) và bà Nguyễn Thị G; vợ: Trương Thị B (đã ly hôn năm 2019); con: có 01 con; tiền án: 01 (Bản án số 09/2019/HS-ST ngày 25-01-2019, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy); tiền sự: Không; về nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội xử phạt 02 (Hai) năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, theo Bản án số 160/2009/HSST ngày 19-6-2009, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-12-2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo:* Bà Trương Thị B, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Hải Dương; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1959; nơi cư trú: thị trấn N, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05-12-2020, bị cáo Nông Đức T gọi điện thoại rủ bị cáo Nông Văn V đi thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng để mua Heroine về sử dụng. T điều khiển xe mô tô BKS 34B3-262.xx chở V từ thị trấn N, huyện Q đi mua Heroine. Khi đến thành phố Cao Bằng, T đưa cho V số tiền 3.000.000 đồng để đi mua Heroine và đợi ở ngã tư Nà Cáp, thành phố Cao Bằng. V điều khiển xe mô tô BKS 34B3-262.xx đi đến Bến xe cũ thành phố Cao Bằng, dò hỏi mua được 01 gói Heroine giá 3.000.000 đồng với một người đàn ông (V không biết họ tên, địa chỉ của người này).

Sau khi mua được Heroine, V quay lại đón T về nhà. Khi về đến đoạn đường vắng thuộc xã Bình Long, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng thì dừng xe lấy Heroine ra cùng nhau sử dụng. Sau khi sử dụng xong, T chia số Heroine còn lại thành 03 gói, trong đó có 02 gói nhỏ để trả công cho V đi mua Heroine. Toàn bộ số ma túy T cho V cầm, T lái xe chở V về đến đoạn đường tỉnh lộ 216 thuộc xóm M, xã N, huyện Q, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng Công an huyện Q đang làm nhiệm vụ bắt quả tang. Tiến hành cân, đã xác định được tang vật thu được có khối lượng là 1,57g (Một phẩy năm bảy gam).

Tại Bản kết luận giám định số: 297/GĐMT ngày 15 tháng 12 năm 2020 và số 298/GĐMT ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng đều kết luận mẫu chất màu trắng, chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, loại: Heroine.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2021/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Các bị cáo Nông Đức T, Nông Văn V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nông Đức T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, là ngày 05-12-2020.

Xử phạt: Bị cáo Nông Văn V 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, là ngày 05-12-2020.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Về việc xử lý chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen bạc, biển kiểm soát 34B3-262.xx:

- + Không chấp nhận yêu cầu được trả lại chiếc xe của bà Nguyễn Thị G.
- + Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trương Thị B.
- + Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước: ½ giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen bạc, biển kiểm soát 34B3-262.xx, đã qua sử dụng, số khung: 6302FZ3622xx, số máy: JP63E13622xx; kèm theo chìa khóa xe, Giấy đăng ký xe số 1462xx mang tên Nông Đức T.

Trả lại cho chị Trương Thị B (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường L, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Hải Dương) ½ giá trị của 01 xe mô tô Honda Airblade, màu đen bạc, biển kiểm soát 34B3-262.xx nói trên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người có quyền nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

(Đối với các vật chứng khác trong bản án sơ thẩm không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án phúc thẩm không đề cập đến).

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo Nông Đức T và bị cáo Nông Văn V không kháng cáo bản án; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị G không kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, chị Trương Thị B là người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo không nhất trí phần xử lý chiếc xe máy; Ngày 12/8/2021 chị Trương Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng vì lý do dịch Covid-19 nên không thể tham gia phiên tòa, đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định và chị vẫn yêu cầu được lấy lại toàn bộ chiếc xe máy nói trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về đơn kháng cáo của chị Trương Thị B nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ.

Về nội dung: Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2021/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng đã xét xử là có căn cứ đúng pháp luật. Mức án xử phạt bị cáo Nông Đức T 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là phù hợp với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét nội dung đơn kháng cáo của chị Trương Thị B về việc được sở hữu chiếc xe máy: Chị B cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm biên bản thỏa thuận chia tài sản sau ly hôn là chiếc xe máy nhưng không phù hợp, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định chiếc xe máy là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị xe, còn lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe trả lại cho chị Anh là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trương Thị B, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng về phần xử lý vật chứng (chiếc xe máy) là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Đức T không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy cho chị Trương Thị B quản lý sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tư cách và thẩm quyền tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án kháng cáo bản án chị Trương Thị B có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của chị Trương Thị B được trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen bạc, biển kiểm soát 34B3-262.xx kèm theo chìa khóa xe và Giấy đăng ký xe mang tên Nông Đức T:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bà G, bị cáo T và bà Anh đều thừa nhận nguồn tiền mua xe phần lớn bà G cho tiền, còn lại là tiền của bị cáo T và chị Anh mua năm 2015 trong thời kỳ hôn nhân và xe do bị cáo T đứng tên đăng ký. Như vậy, đủ căn cứ xác định là bà G đã tặng cho số tiền cho vợ chồng T để mua xe làm phương tiện đi lại. Tuy nhiên, ngày 05-12-2020, bị cáo Nông Đức T đã dùng chiếc xe này để đi mua ma túy. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định chiếc

xe này là tài sản thuộc sở hữu chung của bị cáo T và chị Anh, việc bà G góp tiền để mua xe là tự nguyện, bị cáo T đứng tên đăng ký chiếc xe này và dùng xe để đi mua ma túy về sử dụng rồi bị bắt quả tang và chiếc xe chính là phương tiện phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử lý tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe, còn lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe trả lại cho chị Anh là có căn cứ.

Về phía chị Anh cho rằng chiếc xe này là của chị, vì chị và bị cáo T đã thỏa thuận bằng miệng tại thời điểm trước khi ly hôn là cho chị sử dụng xe để đi làm và đưa đón con, việc thỏa thuận không lập thành văn bản. Xem xét nội dung Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa bị cáo và chị Anh cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản (Quyết định số 270/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2019). Thực tế sau khi chấp hành xong bản án bị cáo T vẫn quản lý, sử dụng chiếc xe cho đến khi bị bắt, đến nay xe cũng chưa làm thủ tục sang tên quyền sở hữu.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định của pháp luật, việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng trong trường hợp tài sản là động sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014); và chiếc xe mô tô này thuộc trường hợp đồng sở hữu chung về tài sản giữa bị cáo T và chị Anh, theo quy định của pháp luật khi chủ sở hữu bán, cho, tặng loại tài sản này phải có đủ chữ ký của các chủ sở hữu để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu (Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04-4-2014, Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16-6-2020 của Bộ Công an).

Đối với các giấy từ bổ sung chị B cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm nội dung ghi ngày 18/6/2021 giữa chị và Nông Đức T nội dung thỏa thuận chia tài sản chung là 01 chiếc xe mô tô BKS 34B3-252.xx là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận .

Như vậy, không đủ cơ sở để kết luận chiếc xe này đã được định đoạt và thuộc quyền sở hữu riêng của chị Anh từ năm 2019, mà vẫn thuộc quyền sở hữu chung (tài sản chung) của chị Anh và bị cáo T.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị B trả lại chiếc xe, mà cần tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ số tiền phát mại xe mô tô (là phần tài sản thuộc sở hữu của bị cáo T), còn lại $\frac{1}{2}$ số tiền phát mại xe trả lại cho chị Trương Thị B là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo yêu cầu trả lại toàn bộ chiếc xe máy của chị Trương Thị B.

Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Về án phí: Người kháng cáo không được Tòa án chấp nhận phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Tuyên bố: Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trương Thị B về yêu cầu được quyền sở hữu chiếc xe máy Biển kiểm soát: 34B3-262.xx.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2021/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

2. Về hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo Nông Đức T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 05-12-2020.

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn V 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 05-12-2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 34B3-262.xx:

+ Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách nhà nước: ½ (Một phần hai) giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen bạc, biển kiểm soát 34B3-262.xx, đã qua sử dụng (số khung: 6302FZ3622xx, số máy: JP63E13622xx; kèm theo chìa khóa xe, Giấy đăng ký xe số 1462xx mang tên Nông Đức T).

+ Trả lại ½ (Một phần hai) giá trị chiếc xe mô tô Honda Airblade, màu đen bạc, biển kiểm soát 34B3-262.xx nói trên cho bà Trương Thị B (nơi đăng ký HKTT: phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Hải Dương;).

(Xác nhận chiếc xe mô tô trên đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12 tháng 5 năm 2021).

4. Về án phí: Do kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được Tòa án chấp nhận nên chị Trương Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy

định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND huyện Q;
- VKSND huyện Q;
- Cơ quan CSĐT huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Thụ
(đã ký)**